

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 415/TTPTQĐ

Nhon Trạch, ngày 20 tháng 7 năm 2026

V/v Niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ thực hiện dự án công trình “Nhánh rẽ đầu nối trạm biến áp 110kV công nghệ cao” đoạn qua phường Nhon Trạch do Công ty Điện lực Đồng Nai làm chủ đầu tư.

Kính gửi: - UBND phường Nhon Trạch.
- Phòng Văn hóa xã hội phường Nhon Trạch.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật đất đai.

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2024 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền phân cấp trong lĩnh vực đất đai.

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất Đai;

Căn cứ Quyết định số 862/QĐ-TTg ngày 16/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị mới Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 (về hạ tầng kỹ thuật và khu công nghiệp).

Căn cứ Nghị quyết 27/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Nghị quyết 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026.

Đường Tôn Đức Thắng, phường Nhon Trạch, Thành phố Đồng Nai.



Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 17/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/03/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 53/2026/QĐ-UBND ngày 10/07/2026 của UBND thành phố Đồng Nai Quyết định Sửa đổi, bổ sung Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/03/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Văn bản số 14192/UBND – CNN ngày 24/12/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận hướng tuyến Công trình nhánh rẽ đầu nối Trạm Biến áp 110Kv Khu công nghệ cao và vị trí Trạm Biến áp 110Kv Khu Công nghiệp công nghệ cao;

Căn cứ Văn bản số 12255/UBND-KTN ngày 13/10/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thống nhất điều chỉ cục bộ hướng tuyến đường dây và phương án thi công Công trình “Nhánh rẽ đầu nối Trạm Biến áp 110Kv Khu Công nghệ cao”;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với các cơ quan chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 1035/VPĐK-NT-TTTLT ngày 10/02/2026 của Văn Phòng Đăng ký Đất đai tỉnh – Chi nhánh Nhơn Trạch về việc cung cấp thông tin vị trí đất theo văn bản số 514/PCĐN – QLDA ngày 14/01/2026 của Công ty Điện lực Đồng Nai.

Căn cứ Kế hoạch số 457/KH-TTPTQĐ ngày 24/03/2026 của Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh Nhơn Trạch về việc Kế hoạch thu hồi đất bị (ảnh hưởng công năng) để

thực hiện dự án công trình “Nhánh rẽ đầu nối trạm biến áp 110kV công nghệ cao” đoạn qua phường Nhơn Trạch do Công ty Điện lực Đồng Nai làm chủ đầu tư.

Ngày 20/07/2026 Trung tâm Phát triển chi nhánh Nhơn Trạch có dự thảo phương án niêm yết lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ và các biểu mẫu 6,7,8 và mẫu tái định cư thực hiện dự án công trình “Nhánh rẽ đầu nối trạm biến áp 110kV công nghệ cao” đoạn qua phường Nhơn Trạch do Công ty Điện lực Đồng Nai làm chủ đầu tư (Kèm dự thảo phương án, mẫu 6,7,8 và mẫu tái định cư).

Để đảm bảo tính pháp lý và minh bạch trong công tác thu hồi đất của dự án. Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh Nhơn Trạch đề nghị UBND phường Nhơn Trạch, Phòng Văn hóa xã hội phường Nhơn Trạch tiến hành thực hiện niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ quy định tại điểm b khoản 9 Điều 3 Nghị quyết 254/2025 ngày 11/12/2025 của Quốc hội. Sau thời gian niêm yết 10 ngày kể từ ngày niêm yết, Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh Nhơn Trạch phối hợp các ban ngành tổ chức đối thoại các trường hợp hộ dân có ý kiến không đồng ý về phương án bồi thường, hỗ trợ và tổng hợp phương án trình phê duyệt theo quy định.

Rất mong được sự quan tâm phối hợp của đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ-TTPTQĐ;
- TBT -NV2;
- Lưu VT.TTPTQĐ.


GIÁM ĐỐC


Trần Văn Bảy

CHÍNH ANH NHON TRẠCH

Số /PA-TTPTQĐ

Nhon Trạch, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

V/v bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất thực hiện dự án công trình “Nhánh rẽ đầu nối trạm biến áp 110kV công nghệ cao” đoạn qua phường Nhon Trạch, thành phố Đồng Nai do Công ty Điện lực Đồng Nai làm chủ đầu tư.

(Phương án niêm yết lấy ý kiến)

I. Căn cứ pháp lý:

1. Pháp lý chung:

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật Điện lực số 61/2024/QH15 của Quốc hội ngày 30/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ Quy định về giá đất.

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2024 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Căn cứ Nghị Quyết số 15/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của Hội Đồng Nhân Dân tỉnh Đồng Nai về việc bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (lần 2).

Căn cứ Nghị Quyết số 42/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của Hội Đồng Nhân Dân tỉnh Đồng Nai thông qua danh mục dự án phải chuyển mục đích sử dụng có diện tích đất trồng lúa năm 2024 tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/2/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

giữa Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Pháp lý dự án:

Căn cứ Quyết định số 862/QĐ-TTg ngày 16/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị mới Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 (về hạ tầng kỹ thuật và khu công nghiệp).

Căn cứ Văn bản số 14192/UBND – CNN ngày 24/12/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận hướng tuyến Công trình nhánh rẽ đầu nối Trạm Biến áp 110Kv Khu công nghệ cao và vị trí Trạm Biến áp 110Kv Khu Công nghiệp công nghệ cao;

Căn cứ Văn bản số 12255/UBND-KTN ngày 13/10/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thống nhất điều chỉ cục bộ hướng tuyến đường dây và phương án thi công Công trình “Nhánh rẽ đầu nối Trạm Biến áp 110Kv Khu Công nghệ cao”;

Căn cứ Kế hoạch số 457/KH-TTPTQĐ ngày 24/03/2026 của Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh Nhơn Trạch về việc Kế hoạch thu hồi đất bị (ảnh hưởng công năng) để thực hiện dự án công trình “Nhánh rẽ đầu nối trạm biến áp 110kV công nghệ cao” đoạn qua phường Nhơn Trạch do Công ty Điện lực Đồng Nai làm chủ đầu tư.

Căn cứ Văn bản số 1035/VPĐK-NT-TTLT ngày 10/02/2026 của Văn Phòng Đăng ký Đất đai tỉnh – Chi nhánh Nhơn Trạch về việc cung cấp thông tin vị trí đất theo văn bản số 514/PCĐN – QLDA ngày 14/01/2026 của Công ty Điện lực Đồng Nai

II. TỔNG QUAN VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ.

1/ Tổng quan Dự án:

Dự án công trình “Nhánh rẽ đầu nối trạm biến áp 110kV công nghệ cao” đoạn qua phường Nhơn Trạch với Tổng số 05 hộ (04 hộ đất và 01 hộ đất công do UBND xã quản lý), tổng diện tích ảnh hưởng hành lang 2.136,5m².

2/ Diện tích, số hộ trình phương án:

Tổng diện tích đất ảnh hưởng hành lang: 2.136,5 m² gồm:

- Đất nông nghiệp: 2.136,5m², trong đó:

+ Đất trồng lúa: 2.136,5m²

Tổng số 05 trường hợp: (trong đó: 05 trường hợp ảnh hưởng hành lang đường điện).

III. CƠ SỞ TÍNH TOÁN PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

1/ Bồi thường, hỗ trợ về đất:

Căn cứ Nghị Quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026.

2/ Bồi thường nhà, vật kiến trúc:

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/03/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3/ Bồi thường thiệt hại về cây trồng:

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

4/ Bồi thường các chính sách hỗ trợ và thưởng di dời:

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

5. Phương án bố trí tái định cư:

Căn cứ Điều 111 Luật đất đai 2024.

+ Kết quả xét tái định cư: Không trường hợp nào được xét tái định cư (Kèm theo danh sách).

6. Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi:

Trong phương án không có trường hợp phải di dời mồ mả.

7. Phương án di chuyển công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi.

Trong phương án không có hộ phải di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi.

IV/ GIÁ TRỊ CỦA PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ:

a. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:	346,569,000	đồng
<i>Trong đó:</i>		
- Bồi thường đất:	315,832,000	đồng
- Bồi thường Nhà, Vật kiến trúc:	18,481,000	đồng
- Bồi thường về cây trồng:	12,256,000	đồng
- Hỗ trợ các chế độ chính sách:	0	đồng
- Thưởng di dời:	0	đồng
b. Kinh phí tổ chức thực hiện BT, HT, TĐC ((a) x 3,5%), trong đó:	12,130,000	đồng
- Kinh phí tổ chức thực hiện BT, HT, TĐC của TTPTQĐ ((b) x 85%):	10,310,000	đồng
- Kinh phí tổ chức thực hiện BT, HT, TĐC của UBND xã ((b) x 15%):	1,820,000	đồng
c. Tổng giá trị bồi thường (a) + (b):	358,699,000	đồng

(Bằng chữ: Ba trăm năm mươi tám triệu, sáu trăm chín mươi chín ngàn đồng).

(Đính kèm mẫu biểu 6, 7, 8 và danh sách tái định cư)

Trên đây là Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất thực hiện dự án công trình “Nhánh rẽ đầu nối trạm biến áp 110kV công nghệ cao” đoạn qua phường Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai do Công ty Điện lực Đồng Nai làm chủ đầu tư./-

DANH SÁCH KẾT QUẢ XÉT TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án: Công trình nhánh rẽ đầu nối TBA 110kV Khu Công nghệ cao (đoạn qua phường Nhơn Trạch, Tp. Đồng Nai)

Địa chỉ: Phường Nhơn Trạch

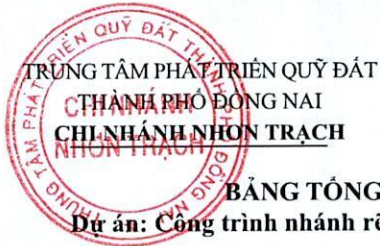
(kèm theo Phương án số/PA-TTPTQĐ ngày.....tháng.....năm.....của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Nhơn Trạch)

Số TT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	CMND/điện thoại	Số tờ/số thửa	ĐỦ ĐIỀU KIỆN	KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN	SỐ QUYẾT ĐỊNH/SỐ THÔNG BÁO	GHI CHÚ
1	001	Nguyễn Thái Anh	22 Trần Hưng Đạo, P. Tăng Nhơn Phú, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM (nay là P. Tăng Nhơn Phú, Tp. HCM)	CMND/CCCD: ngày cấp: Điện thoại:	10 (57)/8		X	Tại mục 5 - Giấy XNNGĐ số 66/GXN-UBND ngày 25/6/2026 của UBND phường Nhơn Trạch: không thu hồi đất ở, không có nhà ở, không phải di chuyển chỗ ở	
2	002	Nguyễn Quang Hưng	Khu phố Thành Lợi, phường Nhơn Trạch, Tp. Đồng Nai	CMND/CCCD: 075070009039 ngày cấp: 15/01/2023 Điện thoại:	10 (57)/7 10 (57)/9 10 (57)/11 10 (57)/12 10 (57)/13 10 (57)/14 10 (57)/16 10 (57)/18 10 (57)/19 10 (57)/20		X	Tại mục 5 - Giấy XNNGĐ số 65/GXN-UBND ngày 25/6/2026 của UBND phường Nhơn Trạch: không thu hồi đất ở, không có nhà ở, không phải di chuyển chỗ ở	
3	003	Chưa xác định chủ sử dụng đất (10/10)	Chưa xác định	CMND/CCCD: ngày cấp: Điện thoại:	10 (57)/10		X	Tại mục 5 - Giấy XNNGĐ số 63/GXN-UBND ngày 25/6/2026 của UBND phường Nhơn Trạch: không thu hồi đất ở, không có nhà ở, không phải di chuyển chỗ ở	
4	004	Chưa xác định chủ sử dụng đất (10/15)	Chưa xác định	CMND/CCCD: ngày cấp: Điện thoại:	10 (57)/15		X	Tại mục 5 - Giấy XNNGĐ số 107/GXN-UBND ngày 09/7/2026 của UBND phường Nhơn Trạch: không thu hồi đất ở, không có nhà ở, không phải di chuyển chỗ ở	
5	005	UBND phường Nhơn Trạch (Đất do UBND phường Nhơn Trạch quản lý)	Số 01 Phạm Văn Thuận, khu phố Nhơn Phú, phường Nhơn Trạch, thành phố Đồng Nai	CMND/CCCD: ngày cấp: Điện thoại:	10 (57)/434		X	Tại mục 5 - Giấy XNNGĐ số 64/GXN-UBND ngày 25/6/2026 của UBND phường Nhơn Trạch: không thu hồi đất ở, không có nhà ở, không phải di chuyển chỗ ở	
*	TỔNG CỘNG					0	5		

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN
Dự án: Công trình nhánh rẽ đầu nối TBA 110kV Khu Công nghệ cao (đoạn qua phường Nhơn Trạch, Tp. Đồng Nai)
Địa chỉ: Phường Nhơn Trạch

Số TT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất (m²)					Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m²)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng (đ)	Hỗ trợ các loại	Thưởng di dời	Tổng cộng	
				Tổng số	DT đất Phi nông nghiệp		DT đất Nông nghiệp									DT đất chưa sử dụng
					Tổng	Đất ở	Tổng	Đất trồng lúa								
1	001	Nguyễn Thái Anh	22 Trần Hưng Đạo, P. Tăng Nhơn Phú, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM (nay là P. Tăng Nhơn Phú, Tp. HCM)						18,3	3.821.000		84.000			3.905.000	
2	002	Nguyễn Quang Hưng	Khu phố Thành Lợi, phường Nhơn Trạch, Tp. Đồng Nai						1.321,9	276.013.000		8.513.000			284.526.000	
3	003	Chưa xác định chủ sử dụng đất (10/10)	Chưa xác định						15,4	3.216.000		508.000			3.724.000	
4	004	Chưa xác định chủ sử dụng đất (10/15)	Chưa xác định						157	32.782.000	18.481.000	3.151.000			54.414.000	
5	005	UBND phường Nhơn Trạch (Đất do UBND phường Nhơn Trạch quản lý)	Số 01 Phạm Văn Thuận, khu phố Nhơn Phú, phường Nhơn Trạch, thành phố Đồng Nai						623,9						0	
Tổng				0	0	0	0	0	0	2.136,5	315.832.000	18.481.000	12.256.000	0	0	346.569.000
1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:															346.569.000	
2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường 3,5%															12.130.000	
Trong đó:																
- Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của TTPTQĐ (85%)															10.310.000	
- Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của UBND xã (15%)															1.820.000	
Tổng cộng (1+2):															358.699.000	

Bằng chữ: Ba trăm năm mươi tám triệu, sáu trăm chín mươi chín ngàn đồng



BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ NHÀ Ở - TÀI SẢN TRÊN ĐẤT
Dự án: Công trình nhánh rẽ đầu nối TBA 110kV Khu Công nghệ cao (đoạn qua phường Nhơn Trạch, Tp. Đồng Nai)
Địa chỉ: Phường Nhơn Trạch

Số TT	Mã số	Họ và tên	Hạng mục tính bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấp, hạng tài sản	Đơn giá xây dựng	Tỷ lệ (%)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Thuộc thửa đất	Nguồn gốc, thời điểm tạo lập tài sản; Cơ sở bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
								BT	HT				
1	002	Nguyễn Quang Hưng	Ống thoát nước Amiăng Φ250 mm	mét	40		61.000		0	0	Thửa đất số 7, tờ 10 (57) và thửa đất số 9, tờ 10 (57) và thửa đất số 11, tờ 10 (57) và thửa đất số 12, tờ 10 (57) và thửa đất số 13, tờ 10 (57) và thửa đất số 14, tờ 10 (57) và thửa đất số 16, tờ 10 (57) và thửa đất số 18, tờ 10 (57) và thửa đất số 19, tờ 10 (57) và thửa đất số 20, tờ 10 (57)	Cây trồng	AHHL
Tổng										0			
2	004	Chưa xác định chủ sử dụng đất (10/15)	Nhà bán kiên cố	Đồng/m ² sàn	31,115		1.854.000		30	17.306.000	Thửa đất số 15, tờ 10 (57)	Nhà và vật kiến trúc tạo lập năm 2019, xây dựng không phép, không xử phạt vi phạm hành chính	AHHL
			Mái che, mái hiên	m ²	15,12		259.000		30	1.175.000			AHHL
Tổng										18.481.000			
TỔNG GIÁ TRỊ										18.481.000			

Bằng chữ: Mười tám triệu, bốn trăm tám mươi mốt ngàn đồng

BẢNG TỔNG HỢP THU HỒI ĐẤT

Dự án: Công trình nhánh rẽ đầu nối TBA 110kV Khu Công nghệ cao (đoạn qua phường Nhơn Trạch, Tp. Đồng Nai)

Địa chỉ: Phường Nhơn Trạch

(kèm theo Phương án số/PA-TTPTQĐ ngày.....tháng.....năm.....của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Nhơn Trạch)

Số TT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa (m²)	Diện tích đất thu hồi (m²)				Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m²)		Diện tích hỗ trợ (m²)	Vị trí	Mức giá (đồng/m²)		Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tình trạng pháp lý		Ghi chú
							Tổng	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Nông nghiệp				Bồi thường về đất	Hỗ trợ về đất		Đã cấp GCNQSD đất (số GCNQSDĐ, số tờ, số thửa, diện tích m²), loại đất, ngày tháng năm cấp); nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa GCNQSDĐ với diện tích thực tế sử dụng (nếu có).	Chưa cấp GCNQSDĐ (NG, TĐ SDĐ, XD nhà ở, tình trạng SD, tranh chấp)	
											Tổng	Đất trồng lúa								
1	001	Nguyễn Thái Anh	22 Trần Hưng Đạo, P. Tăng	10 (57)	8	2.402	0				18,3	18,3		Vị trí 2; Đường Trần Phú	180.000		3.821.040	Được cấp giấy CNQSD đất số AA		

Số TT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa (m²)	Diện tích đất thu hồi (m²)				Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m²)		Diện tích hỗ trợ (m²)	Vị trí	Mức giá (đồng/m²)		Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tình trạng pháp lý		Ghi chú
							Tổng	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Nông nghiệp				Bồi thường về đất	Hỗ trợ về đất		Đã cấp GCNQSD đất (số GCNQSDĐ, số tờ, số thửa, diện tích m²), loại đất, ngày tháng năm cấp); nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa GCNQSDĐ với diện tích thực tế sử dụng (nếu có).	Chưa cấp GCNQSDĐ (NG, TĐ SDD, XD nhà ở, tình trạng SD, tranh chấp)	
											Tổng	Đất trồng lúa								
			Nhon Phú, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM (nay là P. Tăng Nhơn Phú, Tp. HCM)										(Đoạn từ cầu Đồng Môn đến trạm thu phí BOT 319)				01794526, cấp ngày 03/6/2025			
2	002	Nguyễn Quang Hưng	Khu phố Thành	10 (57)	7	4.071	0				3,7	3,7		Vị trí 2; Đường Trần	180.000		276.012.720	Được Văn phòng đăng ký đất đai		

Số TT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa (m²)	Diện tích đất thu hồi (m²)				Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m²)		Diện tích hỗ trợ (m²)	Vị trí	Mức giá (đồng/m²)		Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tình trạng pháp lý		Ghi chú
							Tổng	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Nông nghiệp				Bồi thường về đất	Hỗ trợ về đất		Đã cấp GCNQSD đất (số GCNQSDĐ, số tờ, số thửa, diện tích m²), loại đất, ngày tháng năm cấp); nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa GCNQSDĐ với diện tích thực tế sử dụng (nếu có).	Chưa cấp GCNQSDĐ (NG, TĐ SDD, XD nhà ở, tình trạng SD, tranh chấp)	
											Tổng	Đất trồng lúa								
			Lợi, phường Nhơn Trạch, Tp. Đồng Nai	10 (57)	9	2.154	0				17,4	17,4		Phú (Đoạn từ cầu Đồng Môn đến trạm thu phí BOT 319)				tỉnh Đồng Nai cấp giấy CNQSD đất số AA 01955453, cấp ngày 10/5/2025		
														Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ cầu	180.000			Được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Nhơn Trạch cấp giấy		

Số TT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa (m²)	Diện tích đất thu hồi (m²)				Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m²)		Diện tích hồ trợ (m²)	Vị trí	Mức giá (đồng/m²)		Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tình trạng pháp lý		Ghi chú
							Tổng	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Nông nghiệp				Bồi thường về đất	Hỗ trợ về đất		Đã cấp GCNQSD đất (số GCNQSDĐ, số tờ, số thửa, diện tích m²), loại đất, ngày tháng năm cấp); nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa GCNQSDĐ với diện tích thực tế sử dụng (nếu có).	Chưa cấp GCNQSDĐ (NG, TĐ SDD, XD nhà ở, tình trạng SD, tranh chấp)	
											Tổng	Đất trồng lúa								
				10 (57)	11	4.823	0				361,5	361,5		Đồng Môn đến trạm thu phí BOT 319)				CNQSD đất số AA 05586884, cấp ngày 17/12/2025		
														Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ cầu Đồng Môn đến	180.000			Được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Nhơn Trạch cấp giấy CNQSD đất số AA 05817305,		

Số TT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)				Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m ²)		Diện tích hỗ trợ (m ²)	Vị trí	Mức giá (đồng/m ²)		Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tình trạng pháp lý		Ghi chú
							Tổng	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Nông nghiệp				Bồi thường về đất	Hỗ trợ về đất		Đã cấp GCNQSD đất (số GCNQSDĐ, số tờ, số thửa, diện tích m ²), loại đất, ngày tháng năm cấp); nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa GCNQSDĐ với diện tích thực tế sử dụng (nếu có).	Chưa cấp GCNQSDĐ (NG, TĐ SĐĐ, XD nhà ở, tình trạng SD, tranh chấp)	
											Tổng	Đất trồng lúa								
				10 (57)	12	1.326	0				121	121	trạm thu phí BOT 319)	Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ cầu Đồng Môn đến trạm thu phí	180.000			cấp ngày 31/12/2025		
																		Được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Nhơn Trạch cấp giấy CNQSD đất số AA 05817306, cấp ngày 31/12/2025		

Số TT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa (m²)	Diện tích đất thu hồi (m²)				Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m²)		Diện tích hỗ trợ (m²)	Vị trí	Mức giá (đồng/m²)		Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tình trạng pháp lý		Ghi chú
							Tổng	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Nông nghiệp				Bồi thường về đất	Hỗ trợ về đất		Đã cấp GCNQSD đất (số GCNQSDĐ, số tờ, số thửa, diện tích m²), loại đất, ngày tháng năm cấp); nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa GCNQSDĐ với diện tích thực tế sử dụng (nếu có).	Chưa cấp GCNQSDĐ (NG, TĐ SĐĐ, XD nhà ở, tình trạng SD, tranh chấp)	
											Tổng	Đất trồng lúa								
				10 (57)	13	1.366	0				150	150		BOT 319) Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ cầu Đồng Môn đến trạm thu phí BOT 319)	180.000			Được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Nhơn Trạch cấp giấy CNQSD đất số AA 05817307, cấp ngày 31/12/2025		

Số TT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa (m²)	Diện tích đất thu hồi (m²)				Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m²)		Diện tích hỗ trợ (m²)	Vị trí	Mức giá (đồng/m²)		Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tình trạng pháp lý		Ghi chú
							Tổng	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Nông nghiệp				Bồi thường về đất	Hỗ trợ về đất		Đã cấp GCNQSD đất (số GCNQSDĐ, số tờ, số thửa, diện tích m²), loại đất, ngày tháng năm cấp); nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa GCNQSDĐ với diện tích thực tế sử dụng (nếu có).	Chưa cấp GCNQSDĐ (NG, TĐ SĐĐ, XD nhà ở, tình trạng SD, tranh chấp)	
											Tổng	Đất trồng lúa								
				10 (57)	14	126	0				50	50	Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ cầu Đồng Môn đến trạm thu phí BOT 319)	180.000			Được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Nhơn Trạch cấp giấy CNQSD đất số AA 05892363, cấp ngày 17/12/2025			
				10 (57)	16	354	0				152,4	152,4	Vị trí 2; Đường Trần	180.000			Được Văn phòng đăng ký đất đai			

Số TT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa (m²)	Diện tích đất thu hồi (m²)				Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m²)		Diện tích hồ trợ (m²)	Vị trí	Mức giá (đồng/m²)		Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tình trạng pháp lý		Ghi chú
							Tổng	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Nông nghiệp				Bồi thường về đất	Hỗ trợ về đất		Đã cấp GCNQSD đất (số GCNQSDĐ, số tờ, số thửa, diện tích m²), loại đất, ngày tháng năm cấp); nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa GCNQSDĐ với diện tích thực tế sử dụng (nếu có).	Chưa cấp GCNQSDĐ (NG, TĐ SDD, XD nhà ở, tình trạng SD, tranh chấp)	
											Tổng	Đất trồng lúa								
				10 (57)	18	961	0				1,7	1,7		Phú (Đoạn từ cầu Đồng Môn đến trạm thu phí BOT 319)				chi nhánh Nhơn Trạch cấp giấy CNQSD đất số AA 05892366, cấp ngày 17/12/2025		
														Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ cầu	180.000			Được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Nhơn Trạch cấp giấy		

Số TT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa (m²)	Diện tích đất thu hồi (m²)				Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m²)		Diện tích hỗ trợ (m²)	Vị trí	Mức giá (đồng/m²)		Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tình trạng pháp lý		Ghi chú
							Tổng	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Nông nghiệp				Bồi thường về đất	Hỗ trợ về đất		Đã cấp GCNQSD đất (số GCNQSDĐ, số tờ, số thửa, diện tích m²), loại đất, ngày tháng năm cấp); nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa GCNQSDĐ với diện tích thực tế sử dụng (nếu có).	Chưa cấp GCNQSDĐ (NG, TĐ SĐĐ, XD nhà ở, tình trạng SD, tranh chấp)	
											Tổng	Đất trồng lúa								
				10 (57)	19	577,6	0					107,7	107,7		Đồng Môn đến trạm thu phí BOT 319)			CNQSD đất số AA 05892204, cấp ngày 17/12/2025		
														Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ cầu Đồng Môn đến	180.000			Được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Nhơn Trạch cấp giấy CNQSD đất số AA 05892364,		

Số TT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa (m²)	Diện tích đất thu hồi (m²)				Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m²)		Diện tích hỗ trợ (m²)	Vị trí	Mức giá (đồng/m²)		Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tình trạng pháp lý		Ghi chú
							Tổng	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Nông nghiệp				Bồi thường về đất	Hỗ trợ về đất		Đã cấp GCNQSD đất (số GCNQSDĐ, số tờ, số thửa, diện tích m²), loại đất, ngày tháng năm cấp); nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa GCNQSDĐ với diện tích thực tế sử dụng (nếu có).	Chưa cấp GCNQSDĐ (NG, TĐ SĐĐ, XD nhà ở, tình trạng SD, tranh chấp)	
											Tổng	Đất trồng lúa								
				10 (57)	20	851,9	0				356,5	356,5		trạm thu phí BOT 319)				cấp ngày 17/12/2025		
														Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ cầu Đồng Môn đến trạm thu phí	180.000			Được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Nhơn Trạch cấp giấy CNQSD đất số AA 05892203, cấp ngày 17/12/2025		

Số TT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa (m²)	Diện tích đất thu hồi (m²)				Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m²)		Diện tích hỗ trợ (m²)	Vị trí	Mức giá (đồng/m²)		Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tình trạng pháp lý		Ghi chú
							Tổng	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Nông nghiệp				Bồi thường về đất	Hỗ trợ về đất		Đã cấp GCNQSD đất (số GCNQSDĐ, số tờ, số thửa, diện tích m²), loại đất, ngày tháng năm cấp); nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa GCNQSDĐ với diện tích thực tế sử dụng (nếu có).	Chưa cấp GCNQSDĐ (NG, TĐ SDD, XD nhà ở, tình trạng SD, tranh chấp)	
											Tổng	Đất trồng lúa								
													BOT 319)							
3	003	Chưa xác định chủ sử dụng đất (10/10)	Chưa xác định	10 (57)	10	4.289	0				15,4	15,4		Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ cầu Đồng Môn đến trạm thu phí BOT 319)	180.000		3.215.520	Chưa xác định chủ sử dụng		

Số TT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa (m²)	Diện tích đất thu hồi (m²)				Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m²)		Diện tích hỗ trợ (m²)	Vị trí	Mức giá (đồng/m²)		Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tình trạng pháp lý		Ghi chú
							Tổng	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Nông nghiệp				Bồi thường về đất	Hỗ trợ về đất		Đã cấp GCNQSD đất (số GCNQSDĐ, số tờ, số thửa, diện tích m²), loại đất, ngày tháng năm cấp); nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa GCNQSDĐ với diện tích thực tế sử dụng (nếu có).	Chưa cấp GCNQSDĐ (NG, TĐ SDD, XD nhà ở, tình trạng SD, tranh chấp)	
											Tổng	Đất trồng lúa								
4	004	Chưa xác định chủ sử dụng đất (10/15)	Chưa xác định	10 (57)	15	157	0				157	157		Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ cầu Đồng Môn đến trạm thu phí BOT 319)	180.000		32.781.600	Chưa xác định chủ sử dụng		
5	005	UBND phường Nhon	Số 01 Phạm Văn	10 (57)	434	623,9	0				623,9	623,9		Đất do UBND phường			0	Đất do UBND phường		

Số TT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa (m²)	Diện tích đất thu hồi (m²)				Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m²)		Diện tích hỗ trợ (m²)	Vị trí	Mức giá (đồng/m²)		Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tình trạng pháp lý		Ghi chú
							Tổng	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Nông nghiệp				Bồi thường về đất	Hỗ trợ về đất		Đã cấp GCNQSD đất (số GCNQSDĐ, số tờ, số thửa, diện tích m²), loại đất, ngày tháng năm cấp); nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa GCNQSDĐ với diện tích thực tế sử dụng (nếu có).	Chưa cấp GCNQSDĐ (NG, TĐ SĐĐ, XD nhà ở, tình trạng SD, tranh chấp)	
											Tổng	Đất trồng lúa								
		Trạch (Đất do UBND phường Nhơn Phú, Trạch quản lý)	Thuận, khu phố Nhơn Phú, phường Nhơn Trạch, thành phố Đồng Nai											quản lý; Đường Trần Phú (Đoạn từ cầu Đồng Môn đến trạm thu phí BOT 319)				Nhơn Trạch quản lý		
Tổng cộng						24.082,4	0	0	0	0	2.136,5	2.136,5	0				315.830.880			

Bảng chữ: Ba trăm mười năm triệu, tám trăm ba mươi ngàn, tám trăm tám mươi đồng